

CUỘC KHỞI NGHĨA HAI BÀ TRƯNG

SAU 1970 NĂM NHÌN LẠI

NGUYỄN QUANG NGỌC*

Cuộc khởi nghĩa nổ ra vào mùa Xuân, tháng 3 năm Canh Tý (năm 40) tại cửa sông Hát và bị Mã Viện đánh bại về cơ bản ở Cấm Khê vào đầu Hè, tháng 4 năm Quý Dậu (năm 43), thời gian tồn tại thực tế chỉ hơn 3 năm. Thế nhưng đây phải được coi là sự kiện có giá trị đặc biệt nhất trong suốt tiến trình lịch sử đất nước, không chỉ vì nó là cột mốc bản lề khẳng định thành tựu bất hủ của nhân dân ta trong thời đại dựng nước đầu tiên và định hướng cho tương lai phát triển của cuộc đấu tranh thoát khỏi ách thống trị nghìn năm của kẻ thù phương Bắc, mà còn ở chỗ nó được sử cũ của cả Trung Quốc và Việt Nam ghi lại khá cụ thể, với thái độ trân trọng và được khắc đậm trong ký ức dân gian như một chân lý lịch sử, càng ngày càng rạn rở, càng ngày càng ngời sáng.

1. Cuộc đồng khởi toàn dân, Triều đình Trưng Vương và Kinh đô Mê Linh

1.1. Về quê hương và dòng dõi Hai Bà Trưng

Trưng Trắc, Trưng Nhị là con gái cả của Lạc tướng huyện Mê Linh. Đất Mê Linh là

đất bản bộ của các vua Hùng, kéo dài trên hai bờ sông Hồng từ phía trên của đỉnh tam giác châu Việt Trì (Phú Thọ) cho đến gần nội thành Hà Nội và trải rộng từ vùng núi Ba Vì sang vùng núi Tam Đảo, tương đương với phần lớn các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Hà Nội hiện nay. Năm 106 tr. CN, nhà Hán đặt châu Giao Chỉ thống suất 7 quận ở lục địa và đặt trị sở ở quận Giao Chỉ. Đứng đầu châu Giao Chỉ là chức Thứ sử, đóng trị sở tại Mê Linh (làng Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Hà Nội). Nhà Hán ban đầu đặt cả Châu trị, Quận trị và Đô úy trị Giao Chỉ ở trên đất Mê Linh với mục đích vừa cai quản toàn vùng Nam Việt và Âu Lạc cũ, vừa trực tiếp khống chế "đất tổ" của người Lạc Việt (1). Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: Trưng Trắc "*nguyên là họ Lạc, con gái của Lạc tướng huyện Mê Linh, Phong Châu*" (2).

Theo truyền thuyết dân gian và thần tích miếu Mèn và đình Nam Nguyễn (nay là thôn Nam An, xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, Hà Nội) thì mẹ Hai Bà Trưng là cháu ngoại vua Hùng, người làng Nam Nguyễn. Bà góa chồng sớm nên phải một

* GS-TS. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển - ĐHQG HN

mình đảm đang việc nuôi dạy hai con gái trồng dâu chăn tằm và chăm chỉ luyện tập võ nghệ. Truyền thuyết còn kể rằng quê cha của Hai Bà Trưng là làng Hạ Lôi (xã Mê Linh, huyện Mê Linh) và gia đình bố mẹ của Hai Bà Trưng chuyên nghề trồng dâu, chăn tằm, dệt lụa. Thần tích làng Lâu Thượng (Bạch Hạc, Phú Thọ) còn giải thích vì bố mẹ Hai Bà Trưng làm nghề chăn tằm nên mới đặt tên con theo tên các loại kén (kén dầy là *trứng chắc*, tức Trưng Trắc, còn kén mỏng là *trứng nhì* tức Trưng Nhị).

Tuy chưa có đầy đủ tư liệu để xác định một cách thật cụ thể, chính xác quê hương của Hai Bà Trưng, nhưng vẫn có thể tin được rằng Hai Bà sinh ra và lớn lên gần bó với khu vực hai bên bờ sông Hồng, đoạn từ Hạ Lôi (Mê Linh) lên đến chùa Mía (xã Đường Lâm, Sơn Tây), miếu Mèn (xã Cam Thượng, huyện Ba Vì), nay đều thuộc Hà Nội (3).

Trưng Trắc là người phụ nữ "*rất hùng dũng*", "*có can đảm, dũng lược*". Chồng Trưng Trắc là Thi Sách, con trai Lạc tướng huyện Chu Diên (vùng lưu vực sông Đáy và mở sang cả sông Hồng bao gồm khu vực Hà Nội, Hà Nam hiện nay). Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* giải thích khá cụ thể: "*Thi Sách cũng là con Lạc tướng, con hai nhà Lạc tướng kết hôn với nhau*" (4). Việc hai gia đình Lạc tướng có thế lực lớn của hai huyện hàng đầu của quận Giao Chỉ, cũng là vùng đất tổ của người Lạc Việt, trung tâm quan trọng nhất đất nước lúc đó kết nối thông gia với nhau đã làm cho thanh thế của họ càng thêm mạnh.

1.2. Từ Hội thể Non nước ở cửa sông Hát tròn 1970 năm trước

Chính sách cai trị tàn bạo của nhà Đông Hán đã thôi thúc Thi Sách, Trưng Trắc hiệp mưu tính kế nổi dậy chống lại và địa

bàn hai huyện Mê Linh, Chu Diên trở thành trung tâm chuẩn bị khởi nghĩa. Nhưng chẳng may công việc bị bại lộ. Tô Định đã thẳng tay đàn áp và giết chết Thi Sách trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra (5). Hành vi bạo ngược của Tô Định không những không dập tắt ý chí đấu tranh của Trưng Trắc, mà trái lại càng làm cho ngọn lửa căm thù bốc cao.

Tháng 3 năm 40, Trưng Trắc đã cùng em là Trưng Nhị phát động cuộc khởi nghĩa ở khu vực cửa sông Hát (xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, Hà Nội) với mục đích đền nợ nước, trả thù nhà. Sách *Thiên Nam ngữ lục*, thiên sử ca đượm tính dân gian thế kỷ XVII chép về *Lời thề* của Trưng Trắc trước quân sĩ, cho biết lý do khởi nghĩa:

"Một xin rửa sạch nước thù,

Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng.

Ba kéo oan ức lòng chồng,

Bốn xin vẹn vẹn thừa công lệnh này" (6).

Những người yêu nước khắp nơi rầm rập kéo về tụ nghĩa ở cửa sông Hát.

Có những người từ vùng Phú Thọ, Vĩnh Phúc theo sông Hồng, sông Thao xuôi xuống. Có những người từ miền đất Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên theo sông Kinh Thầy, sông Đuống, sông Hồng ngược lên. Có những người từ vùng Bắc Ninh, Bắc Giang xứ Bắc kéo về. Có những người từ vùng Thái Bình, Nam Định, Hà Nam thuộc vùng xứ Nam ngược dòng sông Luộc, sông Hồng, sông Đáy kéo đến. Rất nhiều các vị tướng ở vùng trung tâm châu thổ sông Hồng (Hà Nội ngày nay) kéo sang, cũng có không ít những người từ các vùng xa xôi tận bên bờ sông Mã thuộc quận Cửu Chân tìm ra (7)...

Họ là những người có tên hay không có tên và phần nhiều những tên được kể ra

chỉ mang tính chất biểu trưng hay do người đời sau thêm vào. Nhưng có thể hình dung mỗi người, mỗi tên gọi là một đại diện cho các gia đình, dòng họ, làng quê và các địa phương ứng nghĩa. Họ bao gồm đủ các lớp người, lứa tuổi, các thành phần cư dân, thành phần xã hội. Có những người là quý tộc giàu sang đem đến cả những đạo quân, nhưng cũng có những người nghèo chỉ biết dâng hiến mạng sống của mình cho nghĩa cả. Ngoài những người Việt phương Nam, còn có cả những người Hán do không chịu đựng nổi ách thống trị của Thái thú Tô Định đã nổi dậy chống lại và tự nguyện tìm đến Hát Môn...

Cửa sông Hát là chỗ gặp nhau của hai dòng sông lớn: sông Hồng và sông Đáy, thời kỳ đầu Công nguyên còn nằm ở phía trước cửa đền Hát Môn hiện nay. Nơi đây là đầu mối của các luồng đường giao thông thủy quan trọng nhất của nước ta khi đó, nối liền Mê Linh với Chu Diên - nằm trong vùng quê của cả Trưng Trắc và Thi Sách, rồi đổ ra cửa biển Thần Phù, nối thông với Cửu Chân ở phía Nam. Mặc dù ở vị trí trung tâm đất nước, nhưng cửa sông Hát lại hội đủ được các điều kiện thuận lợi để xây dựng một căn cứ khởi nghĩa, như sách *Thiên Nam ngữ lục* mô tả: "*Hát Môn có thể dụng binh. Sông sâu làm cứ, rừng xanh làm nhà*" (8).

Hai Bà Trưng đã triệt để khai thác vị thế thuận lợi của vùng cửa sông Hát để chuẩn bị lực lượng, xây dựng căn cứ và phát động khởi nghĩa, tổ chức hội thể tại Trường Sa Châu là khu vực cánh đồng phía trước đền Hát Môn hiện nay. Hội thể sông Hát mùa Xuân năm 40 đã đi vào lịch sử như một Hội thể đầu tiên quy tụ sức mạnh của cả nước và cũng là Hội thể Non nước đầu tiên.

1.3. Đến cuộc đồng khởi của toàn dân

Rời từ cửa sông Hát, từ Trường Sa Châu đại quân của Trưng Trắc theo dòng sông Hồng kéo xuống đánh chiếm Đô úy trị (thuộc Hạ Lôi, huyện Mê Linh), đánh chiếm lại thành Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội). Từ Cổ Loa nghĩa quân mở cuộc tiến công có ý nghĩa quyết định đánh thẳng vào dinh Thái thú Tô Định, giải phóng thành Luy Lâu là sào huyệt của chính quyền đô hộ Đông Hán (ở khu vực Lũng Khê, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).

Khởi nghĩa Hát Môn lập tức được sự hưởng ứng của các lạc tướng, lạc dân, không chỉ ở Mê Linh, Chu Diên mà còn ở các địa phương khác. Sách *Hậu Hán thư* cho biết: Những người Man, người Lý (tiếng chỉ chung các dân tộc phương Nam) ở 4 quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều nhất tề nổi dậy hưởng ứng. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chỉ ra cụ thể hơn là cuộc khởi nghĩa bùng nổ ở quận Giao Chỉ và "*các quận Nam Hải, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng*" (9). Phong trào đã nhanh chóng trở thành cuộc nổi dậy của toàn dân, vừa mang tính chất quy tụ, vừa mang tính chất toả rộng. Đó là sự quy tụ về cửa sông Hát, về khu vực quận Giao Chỉ, quy tụ trong sự lãnh đạo thống nhất của vị nữ tướng anh hùng trẻ tuổi Trưng Trắc. Đó là sự toả rộng không chỉ trên các vùng lãnh thổ của Lạc Việt, Âu Việt mà còn lan toả đến các bộ lạc ở phía Nam và phía Bắc của nước Âu Lạc, lôi cuốn được nhiều bộ tộc Việt khác ở miền Nam Trung Quốc cùng đi theo (10). Đây rõ ràng là sự thức tỉnh của tinh thần dân tộc Việt. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng phản ánh ý thức dân tộc đã khá rõ rệt của các Lạc tướng, Lạc dân trong các bộ lạc hợp thành nước Âu Lạc cũ.

Chính quyền đô hộ tan rã và sụp đổ nhanh chóng trước sức tấn công của quần chúng khởi nghĩa. Bọn quan lại Đông Hán hoảng sợ bỏ hết của cải, giấy tờ, ấn tín tháo chạy về nước. Bản thân Thái thú Tô Định đã phải bỏ thành Luy Lâu, bỏ cả ấn tín, cắt tóc, cạo râu lên trốn về Nam Hải.

1.4. Triều đình Trưng Vương và Kinh đô Mê Linh

Chỉ trong một thời gian ngắn, ngọn cờ chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã tập hợp được 65 huyện thành (nghĩa là toàn bộ lãnh thổ nước ta hồi đó). Nền độc lập dân tộc lại được phục hồi sau hơn 200 năm chìm đắm dưới ách đô hộ của phong kiến Trung Quốc. Trưng Trắc được suy tôn làm vua (mà sử cũ gọi là Trưng Vương) (11), đóng đô ở Mê Linh (khu vực Hạ Lôi, huyện Mê Linh, Hà Nội) (12).

Nhà sử học đời Trần là Lê Văn Hưu nhận xét: *"Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, cùng 65 thành ở Lĩnh Ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, có thể thấy hình thế đất Việt ta đủ dựng được nghiệp bá vương"* (13).

Nhà sử học Ngô Sĩ Liên, tác giả chính của bộ quốc sử đời Lê *Đại Việt sử ký toàn thư* cho rằng *"Họ Trưng giận thái thú nhà Hán bạo ngược, vung tay hô một tiếng mà quốc thống nước ta cơ hồ được khôi phục..."* (14).

Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái đầu thế kỷ XIX đã diễn tả lại sự kiện lịch sử này thật sinh động trong sách *Đại Nam quốc sử diễn ca*:

"Bà Trưng quê ở Châu Phong,

Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên.

Chị em nặng một lời nguyên,

Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân.

Ngàn Tây nổi áng phong trần,

Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên.

Hồng quân nhẹ bước chinh yên,

Đuổi ngay Tô Định dẹp yên biên thành.

Đô kỳ đóng cõi Mê Linh,

Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta

Ba thu gánh vác sơn hà..." (15).

Sử sách Trung Quốc cũng chép khá cụ thể về sự kiện này. *Thủy kinh chú* cho biết: Trưng Trắc *"lên làm vua, đóng đô ở huyện Mê Linh, cho dân hai quận Giao Chỉ, Cửu Chân được miễn thuế trong 2 năm"* (16). Đồng thời với việc thực thi chủ trương xá thuế cho dân, quản lý đất nước, chính quyền Trưng Vương ngay từ buổi đầu mới thành lập đã phải dồn sức sắp đặt một kế hoạch bảo vệ Vương triều, bảo vệ nền độc lập của đất nước vừa mới giành lại được.

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thực chất là một cuộc đồng khởi của toàn dân trên phạm vi cả nước. Hai Bà Trưng đã dựa vào dân mà khôi phục lại sự nghiệp xưa của vua Hùng, vua Thục sau hơn 200 năm mất nước, sau khi các triều đại phương Bắc ráo riết và thâm độc thi hành chính sách đồng hoá nhằm biến Âu Lạc vĩnh viễn trở thành quận huyện của chúng. Hai Bà Trưng đã giành lại nền độc lập giữa lúc nhà Hán ra sức thi hành chính sách *"bình Thiên hạ"*, truyền bá tư tưởng *"tôn quân đại thống nhất"*, coi các dân tộc phương Nam là *"Man Di"*, là *"thuộc quốc"* và buộc tất cả phải phục tùng *"Thiên tử"*, *"Thiên triều"*. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng với những nội dung và mục tiêu như vậy, với sự thành công nhanh chóng và sự suy tôn Trưng

Trắc lên nắm quyền quản lý, điều hành đất nước là sự trỗi dậy của ý thức dân tộc, của ý thức tự chủ của nhân dân ta, phủ định hiên ngang cái cường quyền sai trái Đại Hán (17).

2. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Đông Hán

2.1. Chặn địch ở tuyến đầu và quyết chiến ở Lãng Bạc

Nghe tin Trưng Trắc khởi nghĩa và xưng vương, vua Quang Vũ nhà Hán "*hạ chiếu cho các quận Trường Sa, Hợp Phố, Giao Chỉ sắm sửa xe thuyền, sửa sang cầu đường, thông miền khe núi, trữ sẵn thóc gạo*" (18), ráo riết chuẩn bị lực lượng và hậu cần tái chiếm nước ta. Hán Quang Vũ muốn ngay lập tức tiến đánh Giao Chỉ, nhưng lúc này nhà Đông Hán đang phải dồn sức đối phó với nhiều cuộc nổi dậy ở trong nước, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa nông dân do Lý Quảng cầm đầu ở Hoãn Thành (An Huy, Trung Quốc). Sau khi tình hình Trung Quốc tạm yên, vào tháng tư, mùa Hạ, năm Kiến Vũ thứ 18 (năm 42), Hán Quang Vũ phong cho Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, thống suất đại quân kéo sang xâm lược nước ta. Hán Quang Vũ đã gửi gắm toàn bộ niềm tin vào viên lão tướng 58 tuổi, tận tụy và lòng danh này.

Tổng số quân lính trong đoàn quân xâm lược khoảng 2 vạn quân cùng 2 nghìn thuyền xe lớn nhỏ (19), chia làm hai cánh, theo hai đường thủy bộ tiến vào nước ta. Đạo quân thủy tiến dọc theo đường ven biển Quảng Đông vào vịnh Hạ Long rồi vào cửa biển Bạch Đằng và tiến vào nội địa theo đường sông Cẩm. Trên bộ, nhiều đoạn đường chưa được khai thông, Mã Viện cho quân "*theo đường ven biển mà tiến, san núi làm đường hơn nghìn dặm*" (20). Con đường này tương đương với con đường ven

biển từ khu vực Quảng Đông tiến vào vùng địa đầu tỉnh Quảng Ninh rồi bám sát con đường bộ ven biển, ven sông tiến vào Đông Triều, Phả Lại, Luy Lâu, Cổ Loa, Mê Linh. Đây là con đường giao thông bộ cổ nhất và gần như duy nhất nối liền khu vực nước ta với miền Đông Nam Trung Quốc suốt thời Bắc thuộc. Cả hai đạo quân thủy, bộ - theo cách tổ chức của Mã Viện là phải luôn luôn bám sát nhau, hỗ trợ cho nhau, phối hợp chặt chẽ với nhau trong hành quân và tác chiến (21).

Hai Bà Trưng đã chủ động tổ chức lực lượng đánh địch ngay tại vùng địa đầu sông nước của Tổ quốc. Có khá nhiều di tích và truyền thuyết dân gian về các trận chiến đấu chống quân xâm lược Đông Hán ở khu vực hai bên bờ sông Cẩm đoạn từ nội thành Hải Phòng ngược trở lên (22).

Nhưng vì lương trước được thế địch quá mạnh nên Hai Bà Trưng quyết định không dồn toàn bộ binh lực ra vùng địa đầu mà chỉ sau một số trận tấn công đạo quân thủy khi chúng chưa kịp phối hợp với đạo quân bộ, chủ động lui về phía sau, tập trung cao độ lực lượng chặn đứng và tiêu diệt địch ở Lãng Bạc (23).

Lãng Bạc như các sách *Thủy kinh chú* và *Hậu Hán thư* mô tả là vùng gò đất cao nổi lên giữa vùng đồng trũng ngập lụt (24), có nhiều lợi thế để phát huy sở trường của ta, hạn chế ưu thế của địch, đã được Hai Bà Trưng chọn làm nơi bố trí trận địa quyết chiến với quân xâm lược Đông Hán. Trên đường rút về Lãng Bạc, Hai Bà Trưng vẫn tổ chức các trận đánh chặn quân giặc mà dọc theo dải sông Kinh Thầy, khu vực Lục Đầu Giang đều có những di tích, đền thờ và huyền tích các tướng lĩnh của Hai Bà đánh trả quyết liệt từng bước hành quân của đoàn quân xâm lược.

Cho đến nay vẫn còn tồn tại nhiều quan niệm khác nhau về vị trí cụ thể của vùng chiến trường Lãng Bạc. Mã Viện với quyết tâm tái chiếm nước ta, đặt lại nền đô hộ Đông Hán, không thể không lấy các toà thành Luy Lâu (trung tâm chính trị của chính quyền đô hộ Đông Hán vừa mới bị mất về tay Trưng Vương), Cổ Loa (kinh đô của nước Âu Lạc cũ, hiển hiện và ẩn tàng sức sống Lạc Việt) và Mê Linh (quốc đô của chính quyền Trưng Vương, nơi đặt bộ chỉ huy đầu não kháng chiến) là mục tiêu số một cần phải chiếm lại bằng mọi giá. Lãng Bạc ở phía Đông ngoài thành Cổ Loa và bảo vệ cho thành Cổ Loa như nhiều tác giả đã phân tích là hợp lý. Tuy nhiên, theo chúng tôi Lãng Bạc còn ở phía ngoài cả toà thành Luy Lâu và bảo vệ cho cả thành này nữa. Thành Luy Lâu vừa là thành quả to lớn mới giành lại được của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, vừa là vị trí then chốt vào bậc nhất cần phải bảo vệ và bảo vệ được nó là có thể chặn đứng và đánh tan cuộc tấn công xâm lược của quân Đông Hán. Không có lý do gì chính quyền Trưng Vương lại dễ dàng bỏ mặc và hoàn toàn không tính đến toà thành đặc biệt quan trọng này trong kế hoạch phòng thủ quốc đô.

Chúng tôi dựa theo sách *An Nam tức sử* của Trần Phu (sứ thần nhà Nguyên) chép Vạn Kiếp thời thuộc Đường là Lãng Châu và tiến hành khảo sát khu vực Vạn Kiếp và các vùng lân cận để tìm kiếm mối quan hệ giữa Lãng Châu và Lãng Bạc. Khu vực phía trong Vạn Kiếp (tức là phía trong Lãng Châu) nay thuộc huyện Gia Lương tỉnh Bắc Ninh, nơi có gò cao nổi lên giữa khu đồng trũng nước ngập (đúng như mô tả của sách *Thủy kinh chú* và sách *Hậu Hán thư* về vùng Lãng Bạc). Đây chính là đầu mối hội tụ của các luồng đường giao thông thủy bộ quan trọng nhất nối thông vùng

Đông Bắc với trung tâm Mê Linh - Quốc đô của chính quyền Trưng Vương, nơi có "con đường của những kẻ xâm lược" chạy qua. Vùng này trực tiếp che chắn cho Luy Lâu (và cả Cổ Loa, Mê Linh) ở phía sau. Tại đây có nhiều truyền thuyết và di tích chiến trường thời kỳ đầu Công nguyên. Kết hợp các nguồn tài liệu thư tịch và khảo sát thực địa, chúng tôi dự đoán vùng Lãng Bạc, nơi Hai Bà Trưng bố trí trận địa đón đánh quân xâm lược Đông Hán không nằm ngoài khu vực phía đông huyện Gia Bình và phía đông bắc huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

Hai Bà Trưng bước đầu đã thành công trong việc kìm chân quân Đông Hán tại Lãng Bạc, chặn đứng và phá vỡ kế hoạch tiêu diệt thật nhanh gọn toàn bộ lực lượng kháng chiến của ta. Mã Viện sau nhiều lần tiến công không giành được thắng lợi, lại không hợp thủy thổ phương Nam, quân sĩ mất sức chiến đấu, đã cảm thấy bị quan, chán chường. Bình Lục hầu Hàn Vũ đã chết, chưa rõ vì bệnh tật hay vì trận mạc, nhưng cái chết của y giữa vùng chiến trường ác liệt không khỏi làm nao núng tinh thần tướng sĩ Đông Hán. Đã có lúc cảm cảnh vì nổi bị sa lầy ở Lãng Bạc, khí hậu khắc nghiệt, quân sĩ đau ốm, lương thực thiếu thốn, tinh thần rệu rã, lòng trước khả năng bị thất bại hoàn toàn mà Mã Viện phải tính đến chuyện tìm cách rút quân về nước (25).

Khu vực phía đông huyện Gia Bình và phía bắc huyện Lương Tài (Bắc Ninh) kéo dài về phía Lục Đầu Giang qua khảo sát thực địa, có rất nhiều truyền thuyết dân gian, địa danh, di tích liên quan đến những thầy ma, bãi xác quân xâm lược Mã Viện (26). Phải chăng đây là những ảnh xạ còn lại của những trận chiến đấu ác liệt giữa quân đội Trưng Vương với quân xâm lược

Đông Hán, một vùng chiến trường Lãng Bạc mùa hè năm 42, biểu tượng tuyệt vời của lòng quả cảm và tinh thần chiến đấu ngoan cường của quân đội Trưng Vương.

Thế nhưng vì tương quan lực lượng quá chênh lệch và sau một thời gian hồi sức trở lại, Mã Viện đã dần dần giành được thế chủ động. Mã Viện là viên tướng dày dặn kinh nghiệm trận mạc, có số quân đông, thiện chiến, có các lực lượng thủy bộ phối hợp, lại rất thạo lối đánh tập trung theo kiểu trận địa chiến. Trong khi đó Hai Bà Trưng mới phát cờ khởi nghĩa, lực lượng vừa tập hợp lại, còn quá non trẻ và chưa có kinh nghiệm chiến đấu, không có khả năng cầm cự lâu dài với quân xâm lược Đông Hán ở Lãng Bạc. Quân của Trưng Vương càng ngày càng bộc lộ rõ thế yếu, bị thiệt hại nặng. Có đến hàng nghìn người bị bắt và đã hy sinh thân mình trên chiến lũy.

2.2. Lui về giữ Cổ Loa, Mê Linh và cố thủ ở Cẩm Khê

Thấy không thể kéo dài thời gian cầm cự với Mã Viện được nữa, Hai Bà Trưng quyết định rút quân khỏi Lãng Bạc, lui về giữ thành Cổ Loa (huyện Đông Anh, Hà Nội). Thành Cổ Loa, một toà thành kiên cố, thủy bộ liên hoàn đã được Trưng Vương sử dụng khai thác tất cả các lợi thế của nó để chặn đứng và tiêu diệt đoàn quân xâm lược đã giành được lợi thế và đang tiến về hướng kinh thành Mê Linh. Lúc này chiến trường trải rộng ra khắp vùng Từ Sơn, Tiên Sơn, Tiên Du, Đông Anh và nhất là khu vực xung quanh Cổ Loa. Nhiều tướng lĩnh của Trưng Vương đã chiến đấu và hy sinh ở đây (27). Nhưng toà thành Cổ Loa kiên cố cũng không giúp Trưng Trắc bảo toàn được lực lượng trước sức tấn công ào ạt của Mã Viện, bà đành phải đem quân về kinh thành Mê Linh ở Hạ Lôi (huyện Mê Linh). Đoàn quân xâm lược đã áp sát quốc đô Mê Linh.

Không còn đường nào khác Trưng Vương đành phải bỏ thành Hạ Lôi, lui về cố thủ ở khu căn cứ Cẩm Khê - bên hữu ngạn sông Đáy, đoạn kéo dài từ chân núi Ba Vì thuộc huyện Thạch Thất cho đến vùng chùa Hương, huyện Mỹ Đức, Hà Nội (28). Lấy sông Đáy làm hào ngoài, lấy núi Ba Vì hiểm yếu làm chỗ dựa, lại có toàn bộ khu vực Cửu Chân (Thanh-Nghệ-Tĩnh) làm hậu cứ ở phía sau, Trưng Trắc hy vọng căn cứ Cẩm Khê sẽ là cơ sở chỗ che cho nghĩa quân trước các cuộc tấn công như vũ bão của kẻ thù. Đây cũng sẽ là cơ sở duy trì lực lượng lâu dài và khi có thời cơ thuận lợi sẽ là bàn đạp để nghĩa quân tổ chức phản công giành thắng lợi nhanh chóng.

Hai Bà Trưng và các tướng sĩ đã chiến đấu rất anh dũng, bảo vệ đến cùng căn cứ Cẩm Khê. Cuộc chiến đấu vô cùng ác liệt kéo dài đến cả năm trời. Nhưng núi cao, hào sâu cũng không thể ngăn chặn nổi các cuộc tấn công có ý nghĩa quyết định của Mã Viện. Khoảng đầu hè, tháng 4 năm 43 căn cứ Cẩm Khê bị vỡ, Trưng Trắc cùng em là Trưng Nhị đã chiến đấu đến cùng và anh dũng hy sinh tại chiến trường (29). Đại quân của Trưng Vương bị đánh tan, người bị giết, người bị bắt đem về Trung Quốc. Theo *Hậu Hán thư*, *Mã Viện truyện* thì Mã Viện đã đem quân đuổi Trưng Trắc đến Cẩm Khê, hai bên giao chiến nhiều lần nhưng cuối cùng quân của Trưng Trắc bị thất bại. Mã Viện đã giết chết Trưng Trắc, Trưng Nhị rồi đưa đầu Hai Bà về Kinh đô Lạc Dương của nhà Đông Hán.

Ngay từ những ngày bị vây hãm ở Cẩm Khê, lợi dụng địa hình núi rừng liên thông, Hai Bà Trưng đã chuyển một phần lực lượng vào Cửu Chân, phối hợp với Đô Dương, Chu Bá và các thủ lĩnh địa phương tiếp tục chiến đấu lâu dài. Mặc dù đã giết được người đứng đầu chính quyền, đánh

tan quân đội chủ lực của Trưng Vương, nhưng Mã Viện vẫn thấy con đường bình định phương Nam còn vô cùng gian lao vất vả. Y phải bỏ ra nhiều tháng trời tổ chức các cuộc truy quét những lực lượng còn lại của Trưng Vương trên đất Giao Chỉ.

Tháng 9 năm 43, Mã Viện báo cáo về triều đình Lạc Dương coi như đã hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ đánh dẹp Trưng Vương và đoàn quân 2 vạn người, 2 nghìn thuyền xe của y “*từ khi vào Giao Chỉ cho đến nay vẫn thịnh*” (30). Mã Viện cố tình che giấu những tổn thất, mất mát ở Lãng Bạc, ở Cổ Loa để tạo thêm niềm tin và tranh thủ sự ủng hộ của triều đình Lạc Dương cho y tiếp tục tiến công tiêu diệt triệt để lực lượng kháng chiến còn lại của Trưng Vương.

2.3. Chiến đấu đến người lính cuối cùng trên đất Cửu Chân

Đầu tháng 10 năm 43, vẫn theo *Thủy kinh chú*, đoàn quân xâm lược với hai đạo thủy bộ tiến xuống phía Nam, dọc theo con đường qua cửa sông Đáy ra cửa biển Thần Phù (Nga Sơn, Thanh Hóa) để vào Cửu Chân (31). Mã Viện còn phải sai quân đào sông chạy thông qua dải núi đá để hai đạo thủy bộ có thể phối hợp chặt chẽ với nhau bảo đảm an toàn trong cuộc chinh phục cuối cùng này.

Ngay tại vùng địa đầu Cửu Chân, do không thể chống cự nổi cuộc tiến công của Mã Viện, thủ lĩnh địa phương huyện Vô Thiết đã đầu hàng quân Đông Hán. Cũng có nơi thủ lĩnh rút quân vào rừng sâu, kiên quyết không chịu đầu hàng quân giặc như trường hợp cử soái Chu Bá ở huyện Dư Phát (32). Khi tiến quân đến miền trung tâm Cửu Chân, Mã Viện đã gặp phải sự kháng cự vô cùng quyết liệt của lực lượng kháng chiến do lão tướng Đô Dương chỉ

huy. Theo truyền thuyết địa phương có hàng ngàn người đã chiến đấu và hy sinh anh dũng trên mảnh đất quê hương. Tiếp tục tiến quân vào khu vực phía nam Cửu Chân, đoàn quân xâm lược Mã Viện còn gặp phải sự kháng cự quyết liệt. Quân đội Trưng Vương đã chiến đấu và hy sinh cho đến những người lính cuối cùng. *Hậu Hán thư*, *Mã Viện truyện* cho hay là trong toàn bộ cuộc hành quân truy quét lực lượng còn lại của Trưng Vương trên đất Cửu Chân, Mã Viện đã giết cả thảy hơn 5000 người. Sách *Thủy kinh chú* cũng chép rõ là khi Mã Viện kéo quân đến huyện Cư Phong thuộc quận Cửu Chân, vì những người thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng ở đây đã chiến đấu đến cùng, không chịu đầu hàng, nên Mã Viện đã ra lệnh tàn sát, chém chết hàng nghìn người (33). Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mã Viện đã hoàn toàn thất bại và bị chìm trong biển máu.

Mùa thu năm sau, năm 44, Mã Viện đem quân trở về Trung Quốc. Chính sử nhà Hán phải thừa nhận có đến hơn một nửa trong tổng số 2 vạn quân được cử sang chinh phạt Giao Chỉ, Cửu Chân đã vĩnh viễn nằm lại phương Nam. Chắc hẳn khi phát quân xâm lược nước ta, Hán Quang Vũ không hình dung hết cái giá quá đắt của cuộc chiến tranh xâm lược này.

★

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là một hiện tượng hết sức độc đáo trong lịch sử dân tộc và hiếm có trong lịch sử thế giới cổ đại. Thật khó có thể hình dung một cách đầy đủ, chính xác về người phụ nữ tuổi chưa tròn đôi mươi, trong điều kiện muôn vàn khó khăn và hạn chế của một xã hội nông nghiệp trồng lúa nước cách ngày nay gần 2000 năm lại có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa toàn dân giành thắng lợi nhanh

chống đến như vậy. Phải đối phó với cuộc chiến tranh tái xâm lược đại quy mô, huy động đến mức tối đa sức người sức của của một đại đế chế đang trong giai đoạn cường thịnh nhất, thì sự thất bại của Trưng Vương cũng là điều không tránh khỏi. Dù kết cục như thế nào thì cuộc kháng chiến của Trưng Vương vẫn không chỉ là mẫu hình tuyệt vời của tinh thần yêu nước, quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, mà còn đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của tinh thần dân tộc, lực lượng dân tộc và đội quân dân tộc. Cuộc khởi nghĩa và cuộc kháng chiến do Hai Bà Trưng đứng đầu chính là một cái mốc bản lề khẳng định những giá trị vĩnh viễn của thời đại dựng nước Hùng Vương-An Dương Vương, của nền văn hoá, văn minh Văn Lang-Âu Lạc,

đặt cơ sở nền tảng cho thắng lợi cuối cùng của cuộc đấu tranh trường kỳ đi đến độc lập hoàn toàn suốt một thiên niên kỷ. Cuộc khởi nghĩa và cuộc kháng chiến này, vì thế không chỉ là sự mở đầu cho tương lai phát triển của đất nước ở thiên niên kỷ đầu tiên, mà còn là sự định hướng cho toàn bộ tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam trong các thiên niên kỷ tiếp theo.

Từ thiếu nữ của đồng lúa, bãi dâu sông Hồng, Hai Bà Trưng đã trở thành Anh hùng dân tộc vĩ đại mở đường cho lịch sử đi lên. Từ nữ tướng tổng chỉ huy khởi nghĩa và kháng chiến, Hai Bà Trưng đã trở thành huyền thoại, thần thoại, thành thơ ca, thành mạch nguồn cảm hứng và sáng tạo bất tận trong lòng nhân dân, trong lòng dân tộc (34).

CHÚ THÍCH

(1). Buổi đầu nhà Tây Hán đặt cả Châu trị, Quận trị và Đô úy trị Giao Chỉ ở huyện Mê Linh. Sang đầu thời Đông Hán Quận trị Giao Chỉ mới dời xuống Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh). Dù đã dời Quận trị xuống Luy Lâu, nhưng nhà Đông Hán vẫn đặt Đô úy trị tại Mê Linh (làng Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Hà Nội) như trước đây. Mục đích chính của nhà Đông Hán vẫn giữ Đô úy trị ở Mê Linh là *“để trấn áp miền Tây Bắc là miền đối với nhà Hán có nhiều mối lo chính trị hơn”* (Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1964, tr. 50).

(2). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 156. Sách còn chép sau khi khởi nghĩa thắng lợi, Bà Trưng lên ngôi vua mới xưng họ là *“Trưng”*. Sách *Việt sử thông giám cương mục* cho biết thêm: Bà Trưng *“vốn họ Lạc, lại có tên họ nữa là Trưng, là con gái lạc tướng huyện Mê Linh”* (T. I, Bản dịch đã dẫn, tr. 1140. Sách *Lĩnh Nam chích quái* cho biết *“Hai Bà Trưng họ Hùng”*. Thật ra tất cả các tên Lạc, Trưng,

Hùng đều không phải là tên họ đương thời của Hai Bà Trưng. Tư liệu chỉ cho phép xác nhận Hai Bà Trưng thuộc dòng dõi quý tộc Lạc Việt.

(3). Gần đây có một số tác giả cho rằng quê hương của Hai Bà Trưng là xã Hạ Bằng (tức là hai làng Hạ Lôi và Bằng Trù) huyện Thạch Thất, Hà Nội. Đây là ý kiến mới rất đáng được quan tâm nghiên cứu. Tiếc rằng đó cũng mới chỉ là những ước đoán không dựa trên cơ sở tư liệu khả dĩ có sức thuyết phục. Tư liệu điều tra khảo sát thực địa trên cả hai vùng Hạ Lôi, Mê Linh và Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội và mở rộng ra khu vực từ Hà Nội lên Việt Trì đều không cho phép khẳng định Hai Bà Trưng là người của làng xã cụ thể nào. Tuy nhiên kết hợp tất cả các nguồn tư liệu có được, chúng tôi vẫn tin rằng vùng quê của Hai Bà Trưng không ngoài phạm vi đôi bờ sông Hồng, đoạn từ Hạ Lôi (Mê Linh) lên đến phía trên thành phố Sơn Tây.

(4). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tr. 156.

(5). Cũng có tài liệu chép Trưng Trắc đã cùng chồng là Thi (Thi Sách?) nổi dậy tấn công các châu quận và 3 năm sau cả Trưng Trắc và Thi Sách đều bị Mã Viện vây bắt ở Kim Khê Cửu (Lịch Đạo Nguyên: *Thủy kinh chú*, sdd, quyển 37, tr. 694). Cũng có tài liệu lại chép Thi Sách nổi dậy chống Đông Hán và tử trận trước khi cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng giành được thắng lợi. Các nguồn tư liệu không hề nói đến vai trò của Thi Sách trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và đây chính là cơ sở xác nhận Thi Sách đã bị Tô Định giết chết trước khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ như ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư* (T. I, Bản dịch đã dẫn tr. 156), *Thiên Nam ngữ lục*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 79-98), cũng như nhiều thần tích và truyền thuyết dân gian.

(6). *Thiên Nam ngữ lục*, sdd, tr. 89.

Cho đến nay dân làng Hát Môn vẫn còn giữ được bài văn thể ở hội thể sông Hát. Hầu hết các thần tích, ngọc phả về tướng lĩnh của Hai Bà Trưng ở khắp vùng Bắc Bộ đều chép lời thể trong hội thể sông Hát và về cơ bản đều giống với bài văn thể ở Hát Môn. Mặc dầu văn phong văn thể có mang nhiều màu sắc mới do người đời sau thêm vào, nhưng có lẽ tinh thần văn thể vẫn là tinh thần của hội thể xưa. Chúng tôi xin chép ra đây để tham khảo:

"Trời sinh con người là tông chủ của muôn loài, sinh linh cỏ cây, thủy đều quan hệ. Các đời đế vương trước, vua sáng tôi hiền, yêu dân lo nước, đức hoá rộng khắp, thiên hạ thanh bình, nước nhà vô sự. Nay có người khác giống là Tô Định, thực loài dê chó bạo ngược hại dân, trời đất thánh thần và con người đều giận.

Thiếp tôi là một người con gái dòng dõi vua Hùng, nghe nói tới sinh linh, trời xanh cũng rơi lệ. Nay nghĩ tới dân mà đau lòng, dấy nghĩa trừ kẻ bạo tàn, nguyện các vị tôn thần về hội đàn chứng giám lời thể, giúp cho thiếp tôi đem quân đánh giặc, giúp nước yên dân, đặt sinh linh lên trên nơi chiếu đệm, đưa mọi người ra khỏi cơn nước lửa, để

khởi phụ ý của trời, giữ yên miếu mạo vua xưa, an ủi ông cha nơi chín suối".

(7). Đó là Thiệu Hoa, Xuân Nương (ở Tam Nông), Đinh Thị Phật Nguyệt, Nhân Uyển, Nguyễn Thị Hạnh, Sơn Dung (ở Thanh Ba), Ả Nàng (ở Thanh Sơn), Nàng Nội (ở thành phố Việt Trì), Lê Ả Lan, Lê Tuấn Khanh, Hải Long, Nguyệt Diên Công chúa (ở Hạ Hoà), Mai Hoa Công chúa (ở Lâm Thao), Bát Nàn Công chúa, Ả Mị, Tố Liệu, Hà Tơ, Hà Liễu (ở Phù Ninh), Nguyệt Cư, Tiến Anh (ở Cẩm Khê), Đàm Ngọc Nga, Mạnh Đạo, Trần Tuấn, Vương Đạo, Cao Sơn, Hùng Dũng, Hùng Liệt (ở Đoan Hùng), Ngọc Kinh, Lê Minh, Lê Thị Liễu, Nguyễn Chiêu Lệ (ở Tam Dương) tỉnh Phú Thọ. Quách A Nương, Vinh Hoa (ở Yên Lạc), Nguyễn Tuấn, Nguyễn Trì, Nguyễn Lĩnh, Thục Nương, Quý Lan Nương (ở Lập Thạch), Xa Lai, Đông Xà (ở Kim Anh), Cả Lợi, Hai Lợi, Ả Chàng, Ả Chạ, Ả Lã, Đống Vịnh, Đại Đạo Song Nga (ở Vĩnh Tường), Ả Dưỡng, Ông Bình, Ông Bạc, Tuấn Công, Đạm Nương, Hồng Nương, Thanh Nương, Do La, mẹ con chàng Vịt (ở Bình Xuyên) tỉnh Vĩnh Phúc. Nữ tướng Lê Chân (ở nội thành Hải Phòng), Lệnh Bá, Chính Trọng (ở An Hải), Tạ Huy Thiêm, Tạ Ả Ráng, Tạ Đoan Dung, Đào Quang, Đào Lang, Nguyễn Minh (ở Tiên Lãng), Trương Thị Ngọc Băng, Phạm Văn Đầm (ở Vĩnh Bảo) thành phố Hải Phòng. Thiện Nhân, Thiện Khánh, Tống Phả Công (ở Kinh Môn), Hồ Đại Liệu, Lý Công An, Từ Giông (ở Ninh Giang), Long Lang (ở Tứ Kỳ), Trần Ngọc Tích (ở Thanh Miện), Nguyệt Thai, Đặng Đại Công, Phạm Gia Pháp, Lã Thị Lương (ở Cẩm Giàng) tỉnh Hải Dương. Tam Giang (ở Văn Lâm), Ông Dục, Hùng Tướng công, Hoa Tiên, Phương Dung, Mai Hoa (ở Văn Giang), Lã Văn Ất (ở Yên Mỹ) tỉnh Hưng Yên. Thánh Thiên, Trương Sách (ở Yên Dũng), Đỗ Thiên, Minh Giang (Lạng Giang), Diên Hồng, Linh Giang, Linh Quang (ở Hiệp Hoà) tỉnh Bắc Giang. Ả Lã, Rổng Nhị, Đào Nương, Doãn Công, Trương Quán, Thập Bát Sơn, Côn Nương, Đà Công, Nguyệt Nương, Chiêu Nương, Nga Nương, Lang Công, Nghiêm Công, Dương Công,

Chiêu Hựu, Tĩnh Trai (ở Gia Lương), Tam Quang, Tam Ngọ, Vi Pháp Hải, Diệu Tiên, Quảng Khánh, Ba anh em Đông Quân, Liễu Giáp (ở Tiên Sơn), Ả Tắc, Ả Dị, Tạ Thông, Đê Nương, Mộc Hoàn Công, Đặng Đình Hoàn, Phật Nương, Hùng Bàn, Thiên Bình (ở Thuận Thành) tỉnh Bắc Ninh. Tướng quân họ Đỗ ở An Khê (Phụ Dực), Bát Nàn, Ngọc Hàng (ở Duyên Hà), Kim Xa, Phạm Khánh (ở Hưng Hà), Cẩm Hoa (ở Tiên Hưng), Quảng Cáo, Đào Thị Phú (ở Quỳnh Côi), Quế Hoa, Ngọc Hoa (ở Vũ Thư), Đồng Lang (ở Thái Thụy) tỉnh Thái Bình. Lê Thị Hoa, Chu Liên Hoa, Dung Nương, Phương Dung, Trần Cao Đạo, Bùi Công Mẫn, Đào Quý Nương, Hoàng Đức Công, Đỗ Thị Dung, Đỗ Quang, Bạch Đằng, Cao Lôi, Dịch Triết, Cung Cai, Nguyệt Thai, Nguyệt Độ, Mai Thị Hồng (ở Vụ Bản), Thục Côn, Phan Cung, Phan Lương (ở thành phố Nam Định), Trình Thị Cự (ở Nam Trực) tỉnh Nam Định. Cao Thị Liên, Lê Thị Hằng Nghi (ở Thanh Liêm) tỉnh Hà Nam. Bà Chu Tước, Vinh Hoa (ở Chương Mỹ), Chiêu Trung, Đỗ Lý, Chiêu Nương, Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuyển, Ông Báng (ở Ứng Hoà), Ông Cai (ở Thanh Oai), Hoàng Đạo, Đỗ Năng Tế (ở Quốc Oai), Ả Lã (ở Hoài Đức), Hải Diệu, Nam Uyên, Sa Lãng (ở Đan Phượng), Phùng Tú, Phùng Huyền, Thượng Cát (ở Phúc Thọ), Đào Khang (ở Thạch Thất), Quỳnh Hoa công chúa (ở Ba Vì), Đào Kỳ, Phương Dung, Thủy Hải, Đặng Giang, Khổng Chúng, Vinh Huy, Tạ Đồng Bằng (ở Đông Anh), Ba anh em họ Đào, Nàng Quốc, Khoá Ba Sơn, Ông Đống, ông Hựu, Thành Công (ở Gia Lâm), Nguyễn Tam Trinh, Nàng Tía (ở Thanh Trì), Quách Lãng, Đinh Bạch Nương, Đinh Tích Nương (ở Từ Liêm), Đào Phương Dung, Đào Hiến Hựu, Đào Quý Minh (quận Đống Đa), Lữ Lữ, Trần Nang, Hùng Bảo, Ả Lự Bạch Trạch, Vinh Gia Công chúa (ở Mê Linh) vùng Hà Nội. Năm mẹ con bà Lê Thị Hoa ở Nga Sơn Thanh Hoá...

(8). *Thiên Nam ngữ lục*, sdd, tr. 87.

(9). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T. I, sdd, tr. 156.

(10). Điều này giải thích tại sao ở miền Nam Trung Quốc cho đến nay vẫn còn khá nhiều di tích

thờ Trưng Trắc. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho hay là ở đất cũ thành Phiên Ngung (Quảng Châu, Quảng Đông) cũng có đền thờ Trưng Trắc (T. I, Bản dịch đã dẫn, tr. 157). Hồi cuối thế kỷ XVIII, Ngô Thì Nhậm đã từng đến thăm miếu Bà Trắc (tức đền thờ Trưng Trắc) ở phía nam hồ Động Đình và ghi lại trong câu thơ: "*Trưng Trắc kiếm mang khai động phủ*" (*Lưỡi gươm của Trưng Trắc mở mang động phủ*). Tham khảo *Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm*, Quyển I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 412-413.

(11). Chúng tôi cũng chưa rõ căn cứ vào nguồn tư liệu nào mà Nguyễn Trãi lại cho rằng Trưng Vương đặt tên nước là Hùng Lạc (*Dư địa chí* trong *Nguyễn Trãi Toàn tập*, Bản dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 215).

(12). Các nguồn tư liệu thư tịch cổ, khảo cổ học, di tích và truyền thuyết phản ánh khá thống nhất khu vực làng Hạ Lôi xã Mê Linh, huyện Mê Linh là kinh đô của Trưng Vương năm 40-43. Trong những năm 1970-1980 ông Đinh Văn Nhật cho rằng đây là vùng đất mới hình thành và dân Hạ Lôi Mê Linh được di sang từ làng Hạ Lôi gốc nay thuộc huyện Thạch Thất và thành Mê Linh có thể là thành Quên thuộc huyện Quốc Oai (Hà Nội). Tuy nhiên giả thuyết này không dựa trên cơ sở tư liệu xác thực nên không có sức thuyết phục.

(13). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T. I, Bản dịch đã dẫn, tr. 156-157.

(14). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T. I, sdd, tr. 157.

(15). Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái: *Đại Nam quốc sử diễn ca*, Sống mới xuất bản, 1972, tr. 56.

(16). Lịch Đạo Nguyên: *Thủy kinh chú*, sdd, quyển 37, tr. 694.

(17). Năm 1972, do cố tìm cách chứng minh (sai) rằng không có thời kỳ An Dương Vương trong lịch sử Việt Nam, cũng không có sự kiện An Dương Vương đã để mất nước Âu Lạc vào tay Triệu Đà, Lê Mạnh Thát đã tưởng tượng ra giai đoạn kéo dài từ thuở các vua Hùng dựng nước Văn Lang cho

đến Trưng Vương là thời kỳ nước ta hoàn toàn độc lập. Theo tác giả, phải đến khi triều đình Trưng Vương bị Mã Viện đánh bại, nước ta bị rơi vào ách thống trị của nhà Hán, thì đây mới là sự kiện mở đầu thời kỳ Bắc thuộc của lịch sử Việt Nam. Sự tưởng tượng này là quá đà, thoát ly hẳn ra khỏi các chứng cứ lịch sử, và như thế, đã vô tình phủ định thành quả hiển nhiên và vô cùng vĩ đại của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

(18). Theo lời tâu của Mã Viện lên Hán Quang Vũ tháng 9 năm 43. *Hậu Hán thư, Nam Man truyện*, Q 116, 6a.

(19). Lịch Đạo Nguyên: *Thủy kinh chú*, sdd, quyển 37, tr. 656.

(20). *Đại Việt sử ký toàn thư*, T. I, sdd, tr. 156.

(21). Sau Mã Viện, rất nhiều các đoàn quân xâm lược từ phương Bắc sang đánh chiếm nước ta theo đường Đông Bắc đều chọn hình thức phối hợp hai đạo quân thủy bộ và phương thức tác chiến của ta là tìm cách không cho chúng phối hợp với nhau, cô lập chúng mà tiêu diệt từng đạo quân một.

(22). Đó là các đền thờ nữ tướng Lê Chân ở An Biên (nội thành Hải Phòng) và An Biên (Đông Triều Quảng Ninh), Lệnh Bá, Chính Trọng ở Quỳnh Cư (An Hải, Hải Phòng), Hoàng Độ ở An Hoà (An Hải, Hải Phòng), viên quan lang họ Lỗ ở Đồng Lý (Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng)...

(23). Hiện nay vẫn còn nhiều quan niệm khác nhau về diễn biến của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Đông Hán của Hai Bà Trưng. Một số tác giả căn cứ vào câu "*Mã Viện thấy vùng đất này (vùng Lãng Bạc) cao, mới từ Tây Lý tiến đến đóng đồn ở đó*" (Sdd, tr. 695) để dự đoán có một trận Tây Vu ở khu vực Cổ Loa trước trận Lãng Bạc ở vùng đồng thấp thuộc huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh; hay Mã Viện sau thất bại ở Tây Vu mới lui về giữ Lãng Bạc (H.Maspéro (1918), Đào Duy Anh (1957, 1964), Trần Quốc Vượng (1963, 2001)...). Chúng tôi chưa biết Tây Lý có phải là Tây Vu không vì sách *Thủy kinh chú* ngay trong đoạn văn

tiếp sau chép có chép đến Tây Vu huyện, phân biệt rất rõ Tây Vu và Tây Lý (Lịch Đạo Nguyên, *Thủy kinh chú*, sdd, Q 37, tr. 695). Giả sử Tây Lý có bị chép nhầm là Tây Vu đi chăng nữa thì cũng không nhất thiết Tây Lý trong đoạn văn trên phải là thành Cổ Loa vì địa bàn huyện Tây Vu đông dân (có 3 vạn 3 nghìn hộ) và rất rộng (nên năm 43 Mã Viện mới chia ra làm hai huyện là Phong Khê và Vọng Hải).

Chúng tôi vẫn dựa theo lô gích thông thường xưa nay để trình bày diễn biến cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Đông Hán của Trưng Vương. Đó là sau khi nhận thấy không thể chặn đứng được quân giặc ở cửa biển Bạch Đằng, Trưng Vương đã chủ động lui quân về giữ Lãng Bạc, rồi sau thất thủ ở Lãng Bạc, Trưng Vương mới lui về chặn địch ở Cổ Loa, Mê Linh và cuối cùng mới rút sang Cẩm Khê ở bên hữu ngạn sông Hồng.

Nhiều sách như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Việt sử thông giám cương mục* cho chiến trường Lãng Bạc thời Hai Bà Trưng ở phạm vi khu vực Hồ Tây (Hà Nội) là không đúng với thực tế, vì chắc chắn vào đầu Công nguyên Hồ Tây chưa hình thành và khu vực Hồ Tây cũng không có dấu tích chiến trường chống quân xâm lược Đông Hán. H.Maspéro, Đào Duy Anh, Trần Quốc Vượng dự đoán chiến trường Lãng Bạc ở khu vực phía đông Cổ Loa, tức là vùng các huyện Từ Sơn, Tiên Du tỉnh Bắc Ninh. Đinh Văn Nhật lại cho rằng chiến trường Lãng Bạc phải ở vùng trũng Trung Đồng gần thành phố Bắc Ninh. Mỗi quan điểm đều khai thác khá triệt để các nguồn tư liệu thư tịch và những đặc điểm địa hình tự nhiên của vùng Lãng Bạc như vùng đồng gò (Tiên Du) hay vùng trũng ngập lụt (Trung Đồng). Tuy nhiên đó cũng mới chỉ là những giả thiết khoa học. Chúng tôi nhìn nhận diễn biến của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Đông Hán của Trưng Vương theo một lô gích khác nên có cách giải thích không giống các tác giả trên về một vùng chiến trường Lãng Bạc. Vấn đề cũng cần phải được tiếp tục nghiên cứu và thảo luận.

(24). Lịch Đạo Nguyên: *Thủy kinh chú*, sdd, Q 37, tr. 695; *Hậu Hán thư*, Q 54, Mã Viện truyện.

(25). Sau này chính Mã Viện đã kể lại tâm trạng thực của mình với bọn quan thuộc: "*Lúc ta đang ở giữa miền Lãng Bạc và Tây Lý, quân giặc chưa dẹp yên, trời thì dưới nước lụt, trên mây mù, khi độc bốc lên ngùn ngụt, trông lên thấy điều hâu đương bay bổng rơi xuống nước chết*". Trong hoàn cảnh như vậy, Mã Viện liên tưởng đến và tỏ ra đồng tình với lời khuyên của người em họ rằng: "*Kẻ sĩ sinh ra ở đời chỉ cần ăn mặc vừa đủ, đi cái xe thấp, cưỡi con ngựa gầy, làm một chức quan nhỏ, song được ở gần nhà chăm sóc mồ mã tổ tiên, làng mạc, được khen là người tốt, thế là đủ rồi*" (*Hậu Hán kỷ*, Q 7).

(26). Tư liệu khảo sát thực địa của cán bộ bộ môn Lịch sử Việt Nam Cổ trung đại và sinh viên khoá 24 (năm 1983).

(27). Như Đồng Bảng ở Gia Lộc (Đại Hùng, Đông Anh) Thủy Hải, Đặng Giang ở Đại Vĩ (Hà Vĩ, Liên Hà, Đông Anh), Vinh Huy ở làng Cổ Châu (Văn Hà, Đông Anh)...

(28). Trước đây có người đoán Cấm Khê ở huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, nhưng như thế hoàn toàn không phù hợp với lô gích của cuộc kháng chiến. Gần đây giới sử học Việt Nam có khuynh hướng đồng ý với ý kiến của ông Đinh Văn Nhật cho rằng Cấm Khê ở chân núi Ba Vì, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Chỉ định vị trí của Cấm Khê ở hữu ngạn sông Hồng là hợp lý, tuy nhiên khoanh gọn Cấm Khê trong khu vực thung lũng Suối Vàng ở dưới chân núi Ba Vì thì lại chưa thật chính xác. Cấm Khê chắc chắn phải kéo dài từ vùng chân núi Ba Vì cho đến tận khu vực chùa Hương, Mỹ Đức, Hà Nội để có điều kiện nối thông với Cửu Chân. Di tích và truyền thuyết có liên quan đến cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng ở các huyện Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức (Hà Nội) và khu vực dọc dải sông Đáy đã phản ánh thực tế này.

(29). Điều này lại bị truyền thuyết dân gian giải thích sai lệch đi là trong khi thất thế ở Cấm Khê, Hai Bà Trưng chạy về Hát Môn rồi gieo mình xuống dòng sông Hát tự tận. Sách *Đại Nam quốc sử diễn ca* (đã dẫn, tr. 56) cũng vì thế mà chép sai đi rằng: "*Cấm Khê đến lúc hiểm nghèo. Chị em thất thế cũng liều với sông*".

(30). Lịch Đạo Nguyên: *Thủy kinh chú*, sdd, Q 37, tr. 696.

(31). Lịch Đạo Nguyên: *Thủy kinh chú*, sdd, Q 37, tr. 696.

(32). Lịch Đạo Nguyên: *Thủy kinh chú*, sdd, Q 37, tr. 696.

(33). Lịch Đạo Nguyên: *Thủy kinh chú*, sdd, Q 37, tr. 696.

(34). Vào thời điểm trước sau những năm 70 của thế kỷ XX, do chịu ảnh hưởng của khuynh hướng chính trị cực đoan, ở Trung Quốc xuất hiện nhiều bài viết "thối phồng sự xâm lược của Trung Quốc đối với Việt Nam, vấn đề Hai Bà Trưng khởi nghĩa và Mã Viện nam chinh được nhấn mạnh quá mức". Một trong những tác giả đó, ông Hoàng Tranh đã từng viết vào năm 1979 rằng cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng chỉ là "cuộc phản loạn của giới quý tộc chủ nô vùng Giao Chỉ chống lại triều đình phong kiến hoá do vương triều Đông Hán tiến hành". Cũng may mà đến năm 2005, ông đã thành thật nhận ra những sai lầm của mình và khẳng định: "Hai Bà Trưng thực sự là những người anh hùng rất đáng kính trọng trong lòng nhân dân Việt Nam hàng nghìn năm nay, không thể tùy tiện hạ thấp và bôi nhọ. Mỗi khi nghĩ tới điều này, tôi liền cảm thấy trong lòng có những hổ thẹn và bất an" (*Về vấn đề Mã Viện nam chinh Giao Chỉ*, Bài phát biểu tại Hội thảo học thuật về văn hoá lịch sử Mã Viện do huyện Phòng Thành, Quảng Tây tổ chức tháng 4 năm 2005).